

MỜI THẦU

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro - Xí Nghiệp Vận Tải Biển và Công Tác Lặn (XNVTB&CTL) có kế hoạch tổ chức đấu thầu gói thầu “Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN VTB&CTL năm 2026”, đơn hàng số DV-1521/26-VTB-TTH theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước sử dụng nguồn vốn nằm trong kế hoạch tự mua sắm vật tư thiết bị và thuê dịch vụ trong nước theo ủy quyền của XN VTB&CTL năm 2026 của Liên doanh Việt Nga Vietsovetro, áp dụng theo “Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro số VSP-000-TM-238”.

XNVTB&CTL mời tất cả các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tới tham gia đấu thầu gói thầu nêu trên.

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia đấu thầu có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại Phòng Dịch Vụ-Thương Mại của XN VTB&CTL tại địa chỉ số 71A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh (điện thoại: 0254.3 838662 ext 3846, email: phuongdtm.mt@vietsov.com.vn) và sẽ được mua một bộ hồ sơ mời thầu hoàn chỉnh với giá là 300.000 VND (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng chẵn).

Hình thức thanh toán: nộp/chuyển khoản vào tài khoản của LDVN Vietsovetro.

Tên tài khoản: Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro, STK: 008.100.000001.1. tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank chi nhánh Vũng Tàu.

Nội dung: *[Tên nhà thầu]*, nộp tiền mua HSDT gói thầu DV-1521/26/VTB-TTH

Thời gian bán hồ sơ mời thầu từ thời điểm đăng tải Thông báo mời thầu, ngày 06 tháng 07 năm 2026 đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 07 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Hồ sơ dự thầu phải kèm theo Bảo đảm dự thầu với giá trị: **18.000.000 VNĐ** (bằng chữ: Mười tám triệu đồng chẵn) bảo lãnh qua ngân hàng/ bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovetro.

Hồ sơ dự thầu sẽ được mở công khai vào lúc 10 giờ 30 ngày 20 tháng 07 năm 2026, tại phòng DV-TM, XN VTB&CTL.

XN VTB&CTL kính mời đại diện của các nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu tới tham dự mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
Giám đốc XN VTB&CTL

Dương Bình Minh

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng DV-TM của XN VTB&CTL

Địa chỉ: Số 71A đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số TBMT:

DV-1521/26-VTB-TTH

Tên gói thầu:

Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN
VTB&CTL năm 2026

Dự án:

Kế hoạch tự mua sắm vật tư thiết bị và
thuê dịch vụ trong nước theo ủy quyền
của XN VTB&CTL năm 2026 của
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro

Phát hành ngày:

06/2026

Ban hành kèm theo Quyết định:

Kế hoạch tự mua sắm vật tư thiết bị và
thuê dịch vụ trong nước theo ủy quyền
của XN VTB&CTL năm 2026

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT
TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT
- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

PHẦN 4. PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDT.
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật,
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính,
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật (kèm theo Hồ sơ Thiết kế, bản vẽ,...(nếu có)).
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng nêu trong HSMT được tính theo mốc GMT+7.</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu</p>

	<p>trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT ;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có</p>
--	---

	<p>liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế 238).</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro.</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>f) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</p> <p>g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của HSMT</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <p>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</p>

	<p>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</p> <p>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</p> <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phát hành văn bản sửa đổi và thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu theo các hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu bằng văn bản trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Bên mời thầu gửi giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu và đăng tải trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>7.5. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có</p>

	giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. Chi phí dự thầu được quy định tại BDL.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 CDNT; 10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 20.3 CDNT. 10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT; 10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT; 10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT; 10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có); 10.10. Chi tiết CDNT từ mục 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	12.1. Trường hợp HSMT quy định tại BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.

<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá).</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại BDL.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>

<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p>	<p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro, nhà thầu đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu. Thể thức bảo lãnh dự thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành</p>

viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B, Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp không hoàn trả bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐT, nhà thầu có văn bản rút HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSĐT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 4-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Điều 33-CDNT;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 38-CDNT;
- Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo Hợp đồng. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo Hợp đồng của Bên mời thầu nhưng nhà thầu không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong Hồ sơ dự thầu hoặc rút lại các cam kết trong Hồ sơ dự thầu dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công thì nhà thầu sẽ không được nhận lại Bảo đảm dự thầu.

	<p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại BDL.</p> <p>19.2. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Địa chỉ Bên mời thầu và thời điểm đóng thầu được quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải nộp kèm chứng từ chuyển khoản một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận. Phương thức mua và nộp HSDT được quy định cụ thể trong BDL.</p> <p>19.3. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>19.4. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào được gửi đến sau thời hạn nộp hồ sơ dự thầu. Mọi Hồ sơ dự thầu mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là nộp muộn, bị loại và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</p>	<p>20.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT”, “BẢN CHỤP HSDT”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và</p>

một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “**BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ**”.

20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

20.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

20.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

20.6. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “**HỒ SƠ DỰ THẦU**”.

Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “**HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI**”, “**HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ**”.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về giá phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “**ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ**”.

Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

20.7. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

	<p>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</p> <p>b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại mục 19.2 CDNT;</p> <p>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo “Không được mở trước thời điểm mở thầu”.</p> <p>20.8. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.6 và Mục 20.7 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p> <p>20.9. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.10. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDT” hoặc “THAY THẾ HSDT” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT.</p> <p>20.11. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 20.10 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.12. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 21.5 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của</p>

nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDT” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc tại buổi mở HSDT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

21.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT.

21.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 21.5 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu tại lễ mở thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

21.5. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số TBMT;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu</p>

	<p>các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó</p>

	<p>đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>

<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p> <p>- KHÔNG ÁP DỤNG</p>	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
--	--

	<p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p>
<p>29. Đánh giá HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Bên mời thầu đánh giá HSDT theo các bước như sau:</p> <p>a) Bước 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để kiểm tra và đánh giá tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng</p>

	<p>tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>29.3. Nguyên tắc đánh giá HSDT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự và tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>c) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 CDNT và bị xử lý theo quy định.</p> <p>d) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, và c khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin bản gốc HSDT và bản copy HSDT thì thông tin bản gốc HSDT là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p>
<p>30. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>30.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p> <p>b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).</p> <p>30.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>30.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p>

	<p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>30.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>30.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>30.6. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 31.1 CDNT.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL;</p> <p>31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy</p>

	<p>định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 - CDNT;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 - CDNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>

<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p>
<p>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên Doanh Việt-Nga Vietsovetro - XN Vận Tải Biển & Công tác Lặn
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN VTB&CTL năm 2026 Tên dự án/dự toán mua sắm là: Kế hoạch tự mua sắm vật tư thiết bị và thuê dịch vụ trong nước theo ủy quyền của XN VTB&CTL năm 2026
CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Nguồn vốn sản xuất của LDVN Vietsovetro năm 2026, lô 09-1.
CDNT 5.1 (d)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <ul style="list-style-type: none"> Chủ đầu tư: Liên Doanh Việt-Nga Vietsovetro, Địa chỉ chủ đầu tư: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh; Bên mời thầu: Xí nghiệp Vận Tải Biển & Công Tác Lặn, số 71A đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh. <p>trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: Không áp dụng ; + Tư vấn thẩm định giá: Không áp dụng; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không áp dụng; + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Không áp dụng; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không áp dụng; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không áp dụng; <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định</p>

	<p>thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>(*):Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.</p>
CDNT 7.1	Việc sửa đổi HSMT trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 7.2	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: "Không".
CDNT 8	<p>Chi phí mua HSMT: giá bán HSMT bằng 300.000 VND.</p> <p>Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro như sau: 008.100.000001.1</p> <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu</p> <p><i>Nội dung chuyển khoản: Tên nhà thầu, nộp tiền mua HSMT gói thầu số: Đơn hàng DV-1521/26-VTB-TTH: Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN VTB&CTL năm 2026.</i></p>
CDNT 10.	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>HSDT phản thương mại:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn dự thầu (Mẫu số 02); 2. Bảng giá dự thầu (Mẫu 11) và điều kiện thương mại; 3. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT: ĐKKD; Giấy ủy quyền (nếu có); Thỏa thuận liên danh (nếu có); <p>Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm chung của nhà thầu theo quy định: Lịch sử hoàn thành hợp đồng (Mẫu số 07); Doanh thu bình quân hàng năm (Mẫu số 08); Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự (Mẫu số 05); <i>Thực hiện nghĩa vụ thuế (đính kèm các tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và giấy nộp thuế/ không nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.</i></p>

	<p>4. Bảo đảm dự thầu (Mẫu số 04): Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 CDNT).</p> <p>E-HSDT Kỹ thuật:</p> <p>5. Bảng tiến độ thực hiện (mẫu số 10), Đề xuất về dịch vụ của nhà thầu (mẫu số 10B) và đề xuất kỹ thuật;</p> <p>6. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu kỹ thuật của HSMT (các tài liệu Catalog hàng hóa, dịch vụ ...biểu mẫu cần thiết khác để đánh giá kỹ thuật HSDT);</p> <p>Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 HSDT hoàn chỉnh.</p>
CDNT 12.1	Nhà thầu “Không được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 13.5	<p>Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Giá chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.</p> <p>Đối với dịch vụ phi tư vấn có kèm theo hàng hóa: Hàng hóa sử dụng hạn ngạch để nhập khẩu Hàng hoá (sử dụng Quota) theo quy định của Lô 09-1: Giá trị Hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế GTGT của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan nhưng đã bao gồm toàn bộ các thuế, phí và chi phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.</p>
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.1	Thẻ thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro.
CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 18.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười tám triệu đồng chẵn).</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản:</p> <p>008.100.000001.1</p> <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro.</p> <p>Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</p> <p>Nội dung: <i>{Tên nhà thầu} nộp bảo đảm dự thầu cho gói thầu số DV-1521/26-VTB-TTH_ Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN VTB&CTL năm 2026.</i></p> <p><u>Lưu ý: Không chuyển khoản bằng tài khoản cá nhân</u></p>
CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày , kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê

	duyet.
CDNT 19.1	Thời điểm đóng thầu là: Theo quy định trong thông báo mời thầu.
CDNT 19.2	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): phòng Thư ký Giám Đốc, tầng 2 của toà nhà XN VTB&CTL tại số 71A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh.
CDNT 20.1	Số lượng HSDT phải nộp: HSDT kỹ thuật: 01 bản gốc và 01 bản chụp. HSDT thương mại: 01 bản gốc và 01 bản chụp - File mềm (soft file “excel/word”) chứa copy nội dung Bảng giá chào thầu theo các mẫu quy định ghi trong 01 ổ USB kèm theo/hoặc gửi các file tới email phuongdtm.mt@vietsov.com.vn sau thời điểm đóng thầu.
CDNT 21.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai theo thời gian quy định trong Thông báo mời thầu, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Phòng Dịch Vụ-Thương Mại của XN VTB&CTL tại địa chỉ số 71A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh, điện thoại: 0254.3 838662 ext 3846.
CDNT 23.4	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 05 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.2 - KHÔNG ÁP DỤNG	Cách tính ưu đãi: __ Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau: - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì ghi: “Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng”; - Chọn phương pháp giá đánh giá thì ghi: “Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá đánh giá của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng”.
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm. - Đánh giá về tài chính: áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 29.2 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: - Chọn phương pháp giá thấp nhất: “nhà thầu có giá dự thầu cho từng mục sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

	(nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;
CDNT 31.5	Chọn phương pháp giá thấp nhất: “Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”
CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0 %; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0 %.
CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng;
CDNT 38.2	- Người có thẩm quyền: Dương Bình Minh – Giám đốc XN VTB&CTL. + Địa chỉ: _ Số 71A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh; + Fax: 0254.3838662 (3344); - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: không áp dụng.
CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Bùi Vĩ Luân, Phòng DV-TM XNVTB&CTL số 71A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh, Điện thoại: 3839871/3846 - Fax: 0254.3838662 (3344), E-mail: phuongdtm.mt@vietsov.com.vn. Địa chỉ: số 71A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Vũng Tàu

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2 Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;

đ) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

c) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSDT không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại HSMT để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo tỷ giá bán tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp HSDT).

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Mô tả	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm	Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
			Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)*	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁴⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.100.000.000 VND ⁽⁵⁾ VND. - Tài sản ròng **: phải dương trong năm tài chính gần nhất	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁶⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁷⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁸⁾ đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: Cung cấp dịch vụ tương tự ⁽⁹⁾ ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 352.000.000 ⁽¹⁰⁾ VND. - Đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện gói thầu theo năm}] \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10), (11) Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc. Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn

còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được

nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ
(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự (VND)⁽¹⁾
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
...	...	

Ghi chú:

- (1) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10),
(11) Bảng số 01 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu: **THEO TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT.**

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Trường hợp HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
...				

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu

số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo Tiêu chí đánh giá kỹ thuật quy định tại Phần 4- CÁC PHỤ LỤC (đính kèm HSMT)

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

HSĐT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt.

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹: - ÁP DỤNG

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá gói thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu/Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá và Khoản 4.3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", " (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có) không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có) không áp dụng

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Mục 7: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa đó

có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liên kế vào đàm phán hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp	Đính kèm HSMT	X	
	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Đính kèm HSMT		X
	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>)			X
	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Đính kèm HSMT		X
	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
	Mẫu số 10B. Đề xuất về dịch vụ của nhà thầu			X
	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu		X	

PHẠM VI CUNG CẤP

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

(Chi tiết nêu cụ thể ở Chương V)

Đại diện nhà thầu

(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN DỰ THẦU

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____, Mã số thuế _____, cam kết thực hiện gói thầu _____ số TBMT: _____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____
[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: _____

Bảo đảm dự thầu: _____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 36.1 CDNT của HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽¹⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽²⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 4 CDNT.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ HSMT Gói thầu: _____ - với số TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ -thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ - đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ - làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: ____ - Công việc 2: ____ - Công việc 3: ____	____%	____ VNĐ
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: ____ - Công việc 2: ____ - Công việc 3 ____	____%	____ VNĐ
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công

việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

Ghi chú:

(1) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua thư tín; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng

cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua thư tín; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]

vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án: (Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.

4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH
DO LỖI CỦA NHÀ THẦU**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

- Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền

ĐỀ XUẤT VỀ DỊCH VỤ CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Điều kiện kỹ thuật:

-.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột từ (2), (4), (5): Tham chiếu theo Danh mục theo qui định tại Phần 4. Phụ lục
- Cột (3): Nhà thầu tự điền
- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 11.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						
Tổng giá trị dịch vụ						
Thuế VAT						
Tổng giá trị đã bao gồm VAT						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): - Nhà thầu tính toán.

- Hàng hóa (nếu có kèm theo dịch vụ) sử dụng hạn ngạch để nhập khẩu Hàng hoá (sử dụng Quota) Lô 09-1: Giá trị Hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế GTGT của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan nhưng đã bao gồm toàn bộ các thuế, phí và chi phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 12. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 13. Biểu mẫu hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro xin thông báo LD Quý Công ty trúng thầu: ... - Gói thầu số ... , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: ...
- Giá giá trị trúng thầu: ...
- Thời gian thực hiện hợp đồng: ...

Để thực hiện các công việc tiếp theo, trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng ...% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà Vietsovetro không nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu Quý công ty từ chối hoàn thiện hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu của Vietsovetro và sẽ bị loại, đồng thời Quý công ty sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Trân trọng!

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Biểu mẫu hợp đồng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

Số:...../26-VTB1/.....-ĐMP

V/v: Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN VTB&CTL năm 2026 cho XNVTB&CTL, đơn hàng số DV-1521/26-VTB-TTH.

Căn cứ vào nhu cầu của Liên doanh Việt –Nga Vietsovpetro, XN Vận tải biển & Công tác lặn và khả năng cung cấp của Công ty

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, các bên gồm:

BÊN A (Bên mua): LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO

Địa chỉ : Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 0254-3839871 Fax 0254-3839857

Tài khoản số : 008.1.00.00000.1.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN Vũng Tàu.

Mã số thuế : 3500102414

Đại diện là : Ông Dương Bình Minh - Giám đốc XN Vận tải biển & Công tác lặn (Theo giấy ủy quyền của TGD Vietsovpetro số/UQ-PL ký ngày/...../.....)

BÊN B (Bên bán):

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản số :

Mã số thuế :

Đại diện là : Chức vụ:

Hai bên cùng thỏa thuận thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

1.1. Bên B đồng ý giao, Bên A đồng ý nhận Sửa chữa văn phòng làm việc (sau đây gọi tắt là dịch vụ) với số lượng, quy cách & giá cả như sau:

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ
1				

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ
2				
...				
Tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT):				
Thuế GTGT (%)				
Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí phát sinh nếu có)				

(Bằng chữ:/.).

- 1.2. Loại hợp đồng: là hợp đồng theo đơn giá cố định (đơn giá trên không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng)
- 1.3. Khối lượng nêu trên là khối lượng dự kiến, bên A sẽ thanh toán cho bên B theo khối lượng nghiệm thu thực tế được lãnh đạo bên A phê duyệt.
- 1.4. Giá trị thanh toán được tính trên cơ sở khối lượng dịch vụ thực tế hoàn thành. Nhưng tổng giá trị thanh toán không vượt quá tổng giá trị tạm tính ở khoản 1.1 Điều 1 của hợp đồng này.
- 1.5. Thuế GTGT ghi ở mục 1.1, Điều 1 của Hợp đồng khi thanh toán có thể được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành của nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên, việc điều chỉnh thuế GTGT này không làm cho tổng giá trị thanh quyết toán của hợp đồng vượt giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Điều 2: Địa điểm và thời gian thực hiện dịch vụ

- 2.1. Địa điểm thực hiện dịch vụ : Tại cơ sở của bên A, số 71A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP.HCM
- 2.2. Thời gian thực hiện: Hoàn thành toàn bộ công việc trong vòng 40 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng thi công.

Điều 3: Chất lượng và đặc tính kỹ thuật, đóng gói và chứng chỉ của hàng hóa

- 3.1. Hàng hóa do bên B cung cấp phải đảm bảo mới 100% , chưa qua sử dụng, sản xuất sau 01/01/2025 trở lại đây.

- 3.2. Hàng hóa phải có ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, hãng/ nước sản xuất và đảm bảo các đặc tính kỹ thuật như quy định tại mục 1.1, Điều 1 Hợp đồng này và Hồ sơ dự thầu của Bên B.
- 3.3. Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được bảo vệ để đảm bảo cho hàng hóa không bị hư hại trong quá trình vận chuyển, đảm bảo thuận tiện việc bảo quản trong kho, vận chuyển, xếp dỡ. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hóa bị mất mát, hư hỏng, đổ vỡ do đóng gói hàng hóa không phù hợp, đúng quy cách.
- 3.4. Chứng chỉ:
- Theo YCKT.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Hỗ trợ và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho người của bên B hoàn thành tốt công việc.
- Trước khi người của bên B thực hiện công việc sẽ được bên A hướng dẫn nội quy an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp (Bên A giao cho Phòng An Toàn thực hiện công việc này).
- Cử cán bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát công việc của bên B, ký nghiệm thu hoàn thành dịch vụ và ký xác nhận hoàn thành công việc dọn vệ sinh công nghiệp (Bên A giao cho Phòng Tổ chức Nhân Sự và Phòng TM-DV, phòng Kế toán thực hiện việc giám sát, kiểm tra theo chức năng và trình Lãnh đạo phê duyệt).
- Làm thủ tục ra vào cổng cho bên B (Bên A ủy quyền cho Phòng Tổ Chức Nhân Sự thực hiện công việc này)
- Thanh toán tiền dịch vụ cho bên B đúng hạn như quy định tại Điều 6 của hợp đồng.
- Bên A có quyền từ chối dịch vụ của bên B nếu bên B cung cấp dịch vụ không thỏa mãn các điều khoản trong hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

- Bên B thực hiện dịch vụ sửa chữa và bảo trì tòa nhà văn phòng đúng theo hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, và chỉ dẫn của bên A.
- Tuân thủ theo giám sát của bên A trong quá trình thực hiện công việc.
- Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị lắp đặt cho hạng mục công trình đúng theo yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.
- Bên B phải có danh sách đầy đủ thiết bị thuộc sở hữu của bên B hoặc đi thuê phù hợp với công suất và tiến độ thi công. Có kế hoạch điều động các thiết bị thi công.

- Bên B phải lập và trình Bên A xem xét chấp thuận hồ sơ an toàn lao động của các nhân sự tham gia thực hiện công việc. Chỉ những nhân sự đã được Bên A kiểm tra chấp thuận mới được làm việc tại công trình của Bên A.
- Bảng chi phí của mình khắc phục mọi sự cố phát sinh trong quá trình thi công do lỗi của bên B.
- Trong quá trình thực hiện công việc, bên B phải tuân thủ và chịu sự giám sát của Bên A về ATSKMT như quy định nêu trong tài liệu Quy định của Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro về quản lý ATSKMT đối với nhà thầu – VSP – 000 – ATMT – 448 (Bên A giao cho Phòng Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm theo dõi suốt quá trình bên B thực hiện công việc).
- Đảm bảo cho bên A và người của bên A được miễn trách nhiệm trước cơ quan pháp luật và không bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí nào với những hư hỏng, mất mát, thương tật tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của bên B mà không do lỗi của bên A trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng này.

Điều 5: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- 5.1. Nếu bên B thực hiện dịch vụ chậm một phần hoặc toàn bộ so với thời hạn quy định ở Điều 2 của hợp đồng này thì bên B phải chịu phạt 0,5%/ngày phần giá trị hợp đồng bị vi phạm cho 06 ngày lịch đầu tiên; phạt thêm 1%/ngày cho những ngày lịch tiếp theo đến khi tổng số tiền phạt lên tới 8% giá trị hợp đồng thì bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng.
- 5.2. Nếu bên B thực hiện dịch vụ chậm quá 12 ngày lịch so với thời gian quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, thì bên B sẽ phải chịu phạt một khoản tiền bằng 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm và bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng.
- 5.3. Nếu bên B không thực hiện dịch vụ thì bên B sẽ phải chịu phạt một khoản tiền bằng 8% giá trị hợp đồng và bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng.
- 5.4. Nếu bên B thực hiện dịch vụ không đảm bảo chất lượng như quy định tại Điều 3 của hợp đồng này thì bên A có quyền không nghiệm thu dịch vụ và phạt bên B theo mức phạt không thực hiện dịch vụ như ghi ở Điều 4.3 hợp đồng này.
- 4.5 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, bên A có quyền:
 - Khấu trừ tiền phạt từ tiền thanh toán dịch vụ đã thực hiện
 - Khấu trừ tiền thanh toán của hợp đồng khác giữa bên A và bên B (nếu có).
 - Bằng văn bản yêu cầu bên B phải thanh toán cho bên A .
 - Trong mọi trường hợp, bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên A trong trường hợp vi phạm hợp đồng.
- 4.6 Nếu bên B đơn phương hủy bỏ Hợp đồng, Bên B phải thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng cho bên A với mức phạt là 8% (tám phần trăm) trên tổng giá trị của hợp đồng này.

Điều 5: Bảo hành

- 5.1 Bên B bảo hành chất lượng không dưới 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.
- 5.2 Trong thời hạn bảo hành, nếu bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng của các hạng mục công trình thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được tiến hành không chậm quá 05 ngày kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về bên nào.
- 5.3 Trong vòng 05 ngày kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hỏng hóc do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành sửa chữa xong các sai sót về chất lượng hoặc cam kết đổi lại hàng mới cho bên A trong trường hợp hư hỏng không sửa chữa được.
- 5.4 Nếu Bên B tiến hành sửa chữa bị chậm so với thời hạn quy định tại Khoản 5.3, Điều 5 Hợp đồng này thì bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm như quy định tại Khoản 4.1, Điều 4 Hợp đồng này.
- 5.5 Các hạng mục công trình sau khi thay thế trong thời kỳ bảo hành sẽ được bên B bảo hành không dưới 12 tháng kể từ ngày giao hàng thay thế.

Điều 6: Thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 21 ngày kể từ ngày bên A nhận đủ bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- + Đề nghị thanh toán.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng (bản gốc).

Thông tin ghi trên hóa đơn:

1. Tên khách hàng: (Bỏ trống không ghi)
2. Đơn vị: **LIÊN DOANH VIỆT- NGA VIETSOVPETRO.**
3. Địa chỉ: **Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh.**
4. Mã số thuế: **3500102414**

- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành dịch vụ có xác nhận của Lãnh đạo hai Bên (bản gốc).
- + Biên bản quyết toán dịch vụ hoàn thành (bản gốc)
- + Giấy bảo hành hạng mục công trình không dưới 12 tháng do nhà thầu cấp (bản gốc)

Điều 7: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- 7.1. Giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng do Ngân hàng bảo lãnh cho Công ty với giá trị tương đương 10% giá trị hợp đồng là VNĐ (**Bằng chữ:đồng**) để đảm bảo thực hiện hợp đồng là phần hợp nhất không thể tách rời hợp đồng này (Bên A giữ bản gốc).
- 7.2. Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày: .../...../.....
- 7.3. Nếu Bên B từ chối không thực hiện Hợp đồng sau khi đã ký kết thì Bên B không được nhận lại số tiền đảm bảo này. Trong trường hợp Bên A sử dụng giấy bảo lãnh

thực hiện Hợp đồng để thu hồi số tiền đảm bảo, ngay lập tức Bên A sẽ gửi cho Bên B bản sao văn bản yêu cầu mà Bên A gửi cho ngân hàng bảo lãnh để thông báo.

- 7.4. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo đảm đã gia hạn hiệu lực. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 8: Bất khả kháng

- 8.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất).
- 8.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm hợp đồng.
- 8.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 8.4 Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng này thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 8.5 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 (hai) tháng, mỗi Bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 8.6 Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn.

Điều 9: Các cam kết khác.

- 9.1 Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai Bên.
- 9.2 Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho Bên thứ ba mà không được sự đồng ý bằng văn bản trước của bên kia.
- 9.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp hoặc bất đồng thì hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác, hiểu biết lẫn nhau và cùng có lợi. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 ngày bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa vụ việc ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để phân xử theo Quy tắc tố tụng của Trung Tâm này. Phán quyết của Trung Tâm Trọng Tài Quốc tế Việt Nam sẽ là quyết định cuối cùng và hai bên phải tuân thủ. Án phí do bên thua kiện chịu.

- 9.4 Những gì không quy định trong hợp đồng này hai Bên sẽ tuân thủ theo Pháp Luật của nước CHXHCN Việt Nam.
- 9.5 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết thời hạn bảo hành (trừ trường hợp quy định tại Khoản 5.1 và 5.2 Điều 5). Trường hợp cần gia hạn phải có thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- 9.6 Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên không có khiếu nại gì, coi như hợp đồng được thanh lý.
- 9.7 Hợp đồng gồmtrang được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi:

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện và chịu trách nhiệm trước BÊN THỤ HƯỞNG với số tiền bảo đảm cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG về việc vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và không cần bất kỳ sự giải thích nào, chúng tôi cam đoan sẽ trả cho BÊN THỤ HƯỞNG với số tiền bảo đảm là ...VND.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH

(Ký tên và đóng dấu)

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa /Dịch vụ:Sửa chữa và bảo trì toàn nhà XN VTB&CTL năm 2026.
На приобретение товаров/услуг: Ремонт и обслуживание здания ПМТиВР в 2026 году.
Số ĐHXN -№ заявка: 90.XVTB-0095/26-TDV

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Số lượng
1	Bả bả bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	2432.68
2	Che chắn thiết bị, vật dụng trong thời gian thi công	gói	1
3	Cung cấp san lấp nền bằng cát trước khi lát nền	m3	12.76
4	Di chuyên, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1
5	Di chuyên, sắp xếp đồ đạc trong phòng trước và sau khi thi công	Gói	1
6	Dọn vệ sinh công nghiệp sau khi thi công	Gói	1
7	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	728.75
8	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	19.97
9	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	728.75
10	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	685.7
11	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22 cm	m3	50.27
12	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22 cm mở cửa	m3	0.45
13	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	2432.68
14	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	38.65
15	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	295.74
16	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	33.218
17	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	19.268
18	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	33.218
19	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	33.218
20	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	38.368
21	Thay thế ổ cắm điện, bóng đèn, dây điện hư hỏng	Gói	1



**YÊU CẦU KỸ THUẬT HIỆU CHỈNH ĐỐI VỚI GÓI THẦU
“SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ TÒA NHÀ XN VTB&CTL NĂM 2026”**

**REVISED TECHNICAL REQUIREMENTS FOR THE BID PACKAGE
“REPAIR AND MAINTENANCE OF THE MT&DSD BUILDING IN 2026”**

Số tài liệu/Document No.: TR-OFFICE MAINTENANCE-26-VTB

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DỊCH VỤ / PURPOSE OF SERVICE

Sửa chữa và bảo trì bên trong (nền gạch, tường, trần và hệ thống điện) và bố trí lại không gian làm việc cho các phòng của tòa nhà Xí nghiệp Vận tải biển và Công tác lặn.

Repair and maintenance of the interior (floor tiles, walls, ceilings, and electrical systems) and rearrangement of the workspace for the rooms in the MT&DSD building.

2. PHẠM VI CÔNG VIỆC / SCOPE OF WORK

Nhà thầu phải cung cấp trọn gói dịch vụ theo Danh mục công việc Sửa chữa và bảo trì tòa nhà XN VTB&CTL năm 2026”.

Thời gian thi công: 40 ngày làm việc

The contractor must provide a complete package of services as per the Work Schedule for Repair and Maintenance of the MT&DSD Building in 2026.

Construction time: 40 working days

3. YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ THI CÔNG / TECHNICAL AND CONSTRUCTION REQUIREMENTS

3.1 Biện pháp thi công và giải pháp kỹ thuật / Construction Methods and Technical Solutions

- Mô tả chi tiết phương pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu và kế hoạch đảm bảo chất lượng.

- Bao gồm thuyết minh kỹ thuật và bản vẽ tổ chức thi công cho từng phương pháp.

- Provide a detailed description of construction methods, procedures, acceptance steps, and quality assurance plans.

- Include technical explanations and construction organization drawings for each method.

3.2 Tiến độ thi công / Work Schedule

- Lập tiến độ chi tiết, khả thi cho từng hạng mục, phù hợp với việc cung cấp vật tư, nhân lực, thiết bị cho 40 ngày làm việc

- Provide a detailed and feasible schedule for each task aligned with material and equipment delivery, labor distribution, and equipment mobilization plans for 40 working days.

3.3 Vật tư và thiết bị / Materials and Equipment

- Vật tư, thiết bị phải phù hợp với Danh mục vật tư chính, có xuất xứ rõ ràng và đầy đủ chứng chỉ.
- Nêu rõ xuất xứ, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp.
- Hàng phải mới 100%, sản xuất sau 01/01/2025.
- Góí thay thế ổ cắm điện, bóng đèn, dây điện hư hỏng (Mục 21) với ổ cắm điện âm sàn có số lượng tối thiểu 15 cái (loại 2 ổ điện và 2 ổ mạng)
- Materials and equipment must meet the requirements listed in the Main Materials List.
- Specify origin, manufacturer, model number, technical specifications, and supply schedule.
- Items must be original, 100% new (manufactured after 01/01/2025)
- Package for replacement of damaged electrical outlets, light bulbs, and electrical wiring (Item 21), including a minimum of 15 floor-mounted electrical outlet boxes, each equipped with 2 power outlets and 2 network (data) ports.

3.4 Thiết bị thi công / Construction Equipment

- Liệt kê thiết bị thuộc sở hữu hoặc thuê, phù hợp với tiến độ thi công.
- Có kế hoạch điều động thiết bị cụ thể.

- Submit a list of owned or leased equipment suitable for the required capacity and construction timeline.

- Provide a mobilization plan for the listed equipment.

4. NHÂN SỰ VÀ TỔ CHỨC THI CÔNG / PERSONNEL AND SITE ORGANIZATION

- Trình bày sơ đồ tổ chức công trường, phân công nhiệm vụ và lý lịch kỹ thuật của nhân sự chủ chốt.

- Tối thiểu 01 kỹ sư xây dựng (trình độ đại học, 3 năm kinh nghiệm, có chứng chỉ hành nghề).

- Submit the site organization chart with roles, responsibilities, and technical resumes of key personnel.

- Minimum one construction engineer (Bachelor's degree, 3+ years of experience, valid license).

5. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / QUALITY ASSURANCE

- Trình bày quy trình kiểm soát chất lượng vật tư, thiết bị, các công việc thi công.

- Bao gồm biện pháp xử lý khi không phù hợp, kế hoạch bảo quản, hồ sơ nghiệm thu.

- Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao.

- Submit quality control procedures for materials, equipment, and construction tasks.
- Include non-conformance handling measures, preservation plans, and acceptance documentation.
- Warranty period: minimum 12 months from handover date.

6. NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM NHÀ THẦU / CONTRACTOR'S QUALIFICATIONS AND EXPERIENCE

Trong 5 năm gần nhất (2022–nay), đã hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng xây dựng dân dụng/công nghiệp cấp III trở lên:

- Hợp đồng tương tự là hợp đồng xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình dân dụng hoặc công nghiệp có tính chất tương tự với phạm vi công việc của gói thầu này, trong đó có các hạng mục như: sửa chữa, cải tạo tòa nhà làm việc, tòa nhà điều hành, văn phòng, nhà xưởng hoặc công trình có kết cấu, công năng sử dụng tương đương.
- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự, bao gồm tối thiểu: bản sao hợp đồng; tài liệu thể hiện phạm vi công việc; biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành; tài liệu thể hiện tư cách tham gia của nhà thầu trong hợp đồng.
- Trường hợp nhà thầu sử dụng hợp đồng tương tự với tư cách là thành viên liên danh, nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ thì chỉ xem xét phần công việc do chính nhà thầu trực tiếp thực hiện, có tài liệu chứng minh phù hợp.

Within the past 5 years (2022–now), the contractor must have completed at least 01 project of similar scale on civil/industrial buildings (Grade III or above):

- A similar contract means a contract for construction, repair or renovation of civil or industrial works that is similar in nature to the scope of work of this bidding package, including such work items as repair and renovation of office buildings, administration buildings, offices, workshops, or works with equivalent structural characteristics and functions.
- The Bidder shall provide documents proving the similar contract, including at least: a copy of the contract; documents indicating the scope of work; completion acceptance minutes or acceptance minutes for completed work quantities; and documents indicating the Bidder's capacity/role in the contract.
- Where the Bidder uses a similar contract performed as a member of a joint venture, management contractor or subcontractor, only the work directly performed by the Bidder shall be considered, provided that appropriate supporting documents are submitted.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU / RESPONSIBILITIES OF THE CONTRACTOR

- Lập kế hoạch chi tiết cho công việc sửa chữa và bảo trì tòa nhà; phối hợp với Xí nghiệp để thi công.
- Đảm bảo thi công không ảnh hưởng môi trường làm việc, đảm bảo tiến độ và chất lượng.
- Khảo sát hiện trạng, trình hồ sơ biện pháp, tiến độ, nghiệm thu hoàn thành.

- Provide a detailed implementation plan for construction work.
- Ensure minimal disruption to work/living environments, meet deadlines and quality.
- Perform on-site surveys, submit documents (methods, schedules), and finalize acceptance.

8. TRÁCH NHIỆM CỦA XÍ NGHIỆP / RESPONSIBILITIES OF MT&DSD ENTERPRISE

- Hỗ trợ nhà thầu thực hiện dịch vụ; cung cấp điện, nước, an toàn, giám sát.

- Support the contractor during service execution.

- Provide site access, safety orientation, supervision, and utilities (electricity, water).

9. AN TOÀN, VỆ SINH, MÔI TRƯỜNG / SAFETY AND ENVIRONMENTAL REQUIREMENTS

- Tuân thủ nghiêm các quy định an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và môi trường của Vietsovpetro (VSP-000-ATMT-448). Bao gồm các chứng chỉ an toàn lao động theo quy định của VSP (An toàn vệ sinh lao động nhóm 03 – An toàn trong xây dựng)./ Strictly comply with Vietsovpetro's labor safety and HSE management regulations (VSP-000-ATMT-448). Include occupational health and safety certificates in accordance with VSP regulations (Group 03 – Construction safety)

- Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về công tác ATLĐ, vệ sinh và môi trường/ Contractor is fully responsible for occupational safety, hygiene, and environmental protection.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ / EVALUATION METHOD

- Hồ sơ kỹ thuật được đánh giá theo Bảng tiêu chí TE-OFFICE MAINTENANCE-26-VTB.

- The technical bid will be evaluated based on the Technical Evaluation Criteria Table: TE-OFFICE MAINTENANCE-26-VTB.

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU CHỈNH ĐỐI VỚI GÓI THẦU
“SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ TÒA NHÀ XN VTB&CTL NĂM 2026”**

**REVISED TECHNICAL EVALUATION CRITERIA FOR THE BID PACKAGE
“REPAIR AND MAINTENANCE OF THE MT&DSD BUILDING IN 2026”**

Số tài liệu/Document No: TE-OFFICE MAINTENANCE-26-VTB.

STT/ No.	Tiêu chí đánh giá/ Bid evaluation criteria	Max				Min score	Notes
		Level 1	Level 2	Level 3	Level 4		
		score	%	%	%		
1	GIẢI PHÁP KỸ THUẬT/ TECHNICAL SOLUTIONS	30				22	
1.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, khối lượng công việc/ Compliance with Material and Work Volume Requirements		35				
1.1.1	Khối lượng công việc, vật tư, thiết bị chính/ Scope of Work, Main Materials and Equipment			70			
	<p>Chào đầy đủ khối lượng công việc thực hiện theo HSMT. Có danh mục vật tư, thiết bị (bao gồm các vật tư, thiết bị liệt kê trong HSMT, trong bảng vật tư chính), vật tư, thiết bị kê khai đầy đủ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất, nước sản xuất, ký mã hiệu, các thông số kỹ thuật phù hợp với HSMT. Có tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị hợp lý.</p> <p>Full quotation for the work volume as specified in the Bidding Document (BD). Includes a complete list of materials and equipment (including those listed in the BD and main materials table), with clear origin, manufacturer, country, model</p>				100		

	codes, and technical specifications that match the BD. A reasonable supply schedule is included.					
	Chào đầy đủ khối lượng công việc thực hiện theo HSMT. Có danh mục vật tư, thiết bị. Vật tư, thiết bị kê khai đầy đủ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất. Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu có cam kết theo yêu cầu của HSMT. Không chứng minh các thông số kỹ thuật phù hợp với HSMT. Full quotation for the work volume as per BD. Material and equipment list provided with clear origin and manufacturer. Commitment for imported goods per BD is included. However, no verification of technical specifications is provided.				70	
	Chào thiếu hoặc chào sai khối lượng công việc thực hiện theo HSMT. Không có danh mục vật tư, thiết bị hoặc danh mục không đầy đủ, không có tiến độ cung cấp, không ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất, ký mã hiệu của vật tư, thiết bị. Incomplete or incorrect quotation of work volume as per BD. Material/equipment list is missing or incomplete, no supply schedule provided, and no manufacturer, origin, or model details.				0	
1.1.2	Gói thay thế ổ cắm điện, bóng đèn, dây điện hư hỏng/ Package for replacement of damaged electrical outlets, light bulbs, and electrical wiring			30		R
	Chào đầy đủ số lượng như yêu cầu kỹ thuật/ The bidder offers the full quantity as required by the Technical Requirements.				100	
	Không chào đủ số lượng như yêu cầu kỹ thuật/ The bidder does not propose the full quantity as required by the Technical Requirements.				0	
1.2	Tổ chức mặt bằng công trường/Construction Site Organization		25			
1.2.1	Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi, đường tạm thi công/ Layout for Site, Equipment, Storage Areas, and Temporary Roads			60		
	Có bản vẽ đầy đủ, chi tiết Complete and detailed construction site layout drawings				100	
	Có bản vẽ nhưng chưa đầy đủ, chưa chi tiết Partial or insufficient drawings				70	
	Không có bản vẽ tổ chức thi công No site layout drawings provided				0	
1.2.2	Bố trí rào chắn, biển báo.../ Arrangement of Fences, Warning Signs			10		
	Có bố trí đầy đủ, chi tiết Fully detailed and sufficient fencing and signage				100	
	Có nhưng chưa đầy đủ, chưa chi tiết Partial fencing and signage provided				70	

	Không có bố trí rào chắn, biển báo No fencing or signage provided				0		
1.2.3	Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công/ Solutions for Power, Water, Drainage, Transport, and Communication During Construction			30			
	Có giải pháp đầy đủ, chi tiết Comprehensive and detailed solutions provided				100		
	Giải pháp chưa đầy đủ, chưa chi tiết Incomplete or insufficient solutions				70		
	Không có giải pháp No solution provided				0		
1.3	Hệ thống tổ chức/ Organizational Structure		25				
1.3.1	Hệ thống tổ chức công trường/ Construction Site Organization			60			
	Có sơ đồ tổ chức hiện trường, danh sách cán bộ chủ chốt, lý lịch kỹ thuật, sơ đồ nhân lực phù hợp tiến độ, thuyết minh rõ chức năng nhiệm vụ. Construction site organization chart provided with list and resumes of key personnel, manpower chart matching construction schedule, and clear role descriptions				100		
	Có sơ đồ tổ chức, danh sách cán bộ, công nhân nhưng không đầy đủ, sơ đồ nhân lực chưa phù hợp tiến độ. Organizational chart and personnel list included but incomplete; manpower chart not matching schedule				70		
	Không có sơ đồ tổ chức, không có danh sách nhân sự hoặc không đáp ứng yêu cầu. No organization chart or personnel list, or listed personnel do not meet requirements				0		
1.3.1	Nhân sự chủ chốt/ Key Personnel			40			R
	Có tối thiểu 01 kỹ sư xây dựng trình độ đại học, ≥03 năm kinh nghiệm và có chứng chỉ hành nghề/ There is at least one construction engineer holding a Bachelor's degree, with a minimum of 03 years of experience and a valid professional practicing certificate.				100		
	Không có tối thiểu 01 kỹ sư xây dựng trình độ đại học, ≥03 năm kinh nghiệm và có chứng chỉ hành nghề/ There is no construction engineer holding a Bachelor's degree, with a minimum of 03 years of experience and a valid professional practicing certificate.				0		
2	TIẾN ĐỘ THI CÔNG	25				20	

	CONSTRUCTION PROGRESS					
2.1	Thời gian hoàn thành công trình Project completion time			80		R
	Có bảng tiến độ thi công chi tiết bao gồm các công tác thi công chính. Đề xuất thời gian thi công hợp lý, theo đúng yêu cầu của HSMT. A detailed construction schedule including all main works is provided. Proposed duration is reasonable and complies with the Bidding Document (BD)				100	
	Thời gian thi công không hợp lý hoặc vượt quá thời gian quy định trong HSMT. Unreasonable construction time or exceeds time requirements in BD.				0	
2.2	Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công/ Coordination Among Construction Tasks and Teams			20		
	Hợp lý và khả thi Reasonable and feasible coordination				100	
	Không hợp lý và không khả thi Unreasonable and infeasible coordination				0	
3	VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, PCCC, AN TOÀN LAO ĐỘNG / ENVIRONMENTAL SANITATION, FIRE SAFETY, OCCUPATIONAL SAFETY	25				19
3.1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường Environmental Protection and Mitigation Measure	7				
	Tiếng ồn Noise		20			
	Bụi và khói Dust and smoke		20			
	Rung Vibration		20			
	Kiểm soát nước thải Wastewater control		20			
	Kiểm soát rác thải, vệ sinh Waste and sanitation control		20			
3.2	Phòng cháy, chữa cháy Fire Prevention and Fighting	8				
	Quy định, quy phạm tiêu chuẩn Regulations and standards		30			
	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ		40			

	Solutions, methods, and equipment for fire and explosion prevention					
	Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ Organizational structure for fire prevention system management		30			
3.3	An toàn lao động Occupational Safety	10				
3.3.1	Cam kết thực hiện các yêu cầu theo “Quy định về Quản lý an toàn sức khỏe- môi trường đối với các nhà thầu” mã tài liệu VSP-000-ATMT-448		50			R
3.3.2	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công Safety measures for each construction phase		20			
3.3.3	An toàn giao thông ra vào công trường Traffic safety at site entry/exit		10			
3.3.4	Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị Site security, personnel, and equipment management		10			
3.3.5	Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường Safety management for project and surrounding residents		10			
4	BẢO HÀNH VÀ BẢO TRÌ WARRANTY AND MAINTENANCE	10			7	
4.1	Có cam kết bảo hành hạng mục công trình không dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng. Commitment to warranty the work items for no less than 12 months from the date of project completion and handover for use.		100			
4.2	Không có cam kết bảo hành hạng mục công trình hoặc thời hạn bảo hành dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng. No commitment to warranty or warranty period less than 12 months from the date of project completion and handover.		0			
5	UY TÍN CỦA NHÀ THẦU CONTRACTOR’S CREDIBILITY	10			7	
5.1	Kinh nghiệm của nhà thầu Contractor’s Experience		80			
	Đánh giá dựa trên số lượng hợp đồng tương tự trong 05 năm gần đây (từ năm 2022 đến nay) đáp ứng các nội dung của YCKT. The Bidder’s experience shall be evaluated based on the number of similar contracts performed within the last three (05) years, from 2022 to the present, which meet the requirements specified in the Technical Requirements.					
5.1.1	Đã thực hiện từ 01 công trình trở lên			100		

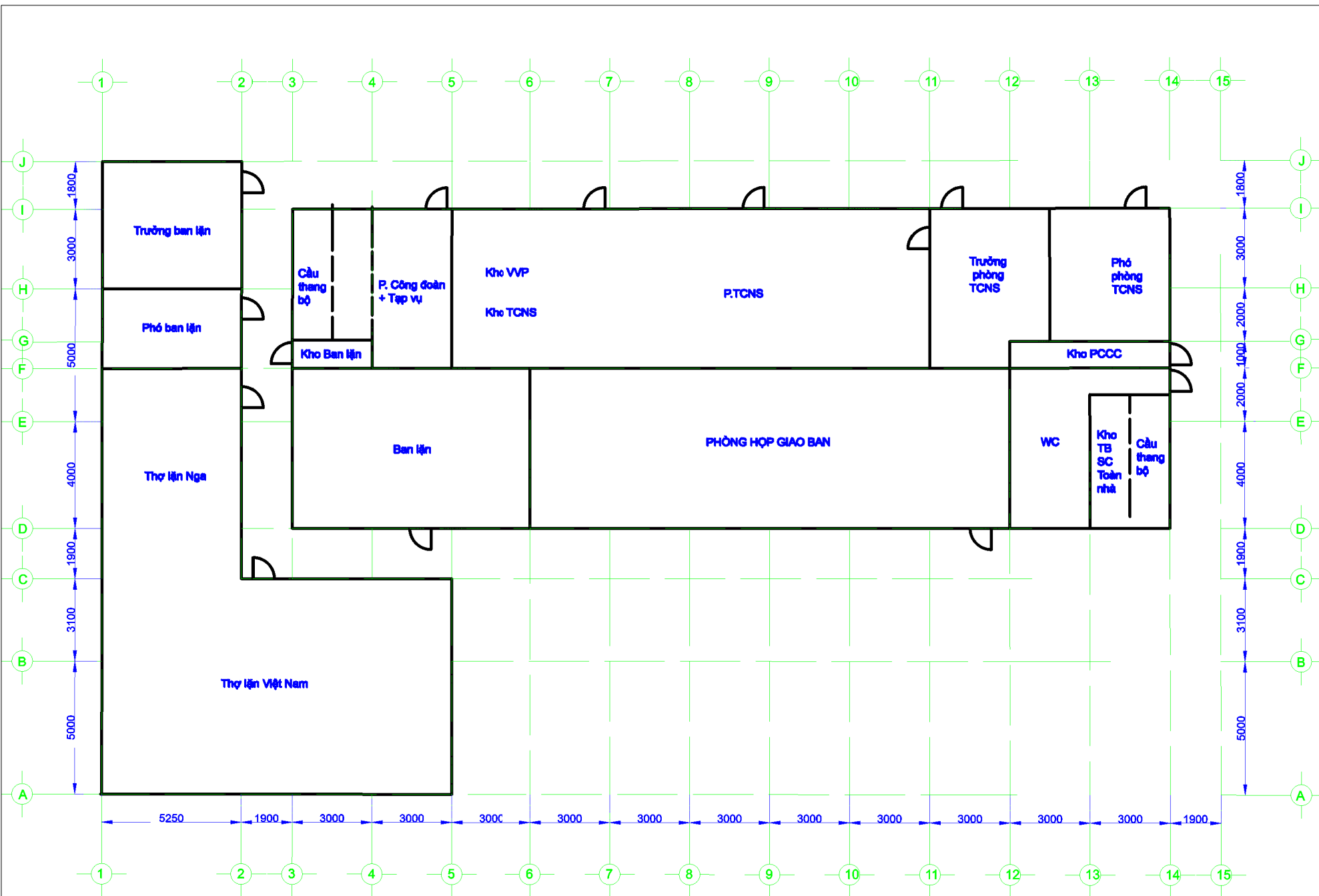
	Completed 01 or more projects						
5.1.2	Chưa thực hiện công trình nào No projects completed			0			
5.2	Lịch sử thực hiện hợp đồng Contract Performance History		20				R
5.2.1	Không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu No contracts delayed due to contractor's fault			100			
5.2.2	Có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu nhưng có hợp đồng tương tự vượt tiến độ hoặc có hợp đồng đạt giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng Has contract delays due to contractor's fault, but also has other contracts completed ahead of schedule or received awards for construction quality			70			
5.2.3	Có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu và không có hợp đồng tương tự vượt tiến độ hoặc đạt giải thưởng về chất lượng Has delayed contracts due to contractor's fault and no other contract completed ahead of schedule or awarded for quality			0			

ĐIỀU KIỆN ĐÁNH GIÁ ĐẠT/ EVALUATION PASSING CONDITIONS

Một hồ sơ dự thầu được đánh giá đạt yêu cầu kỹ thuật khi thỏa mãn cả 3 điều kiện sau:

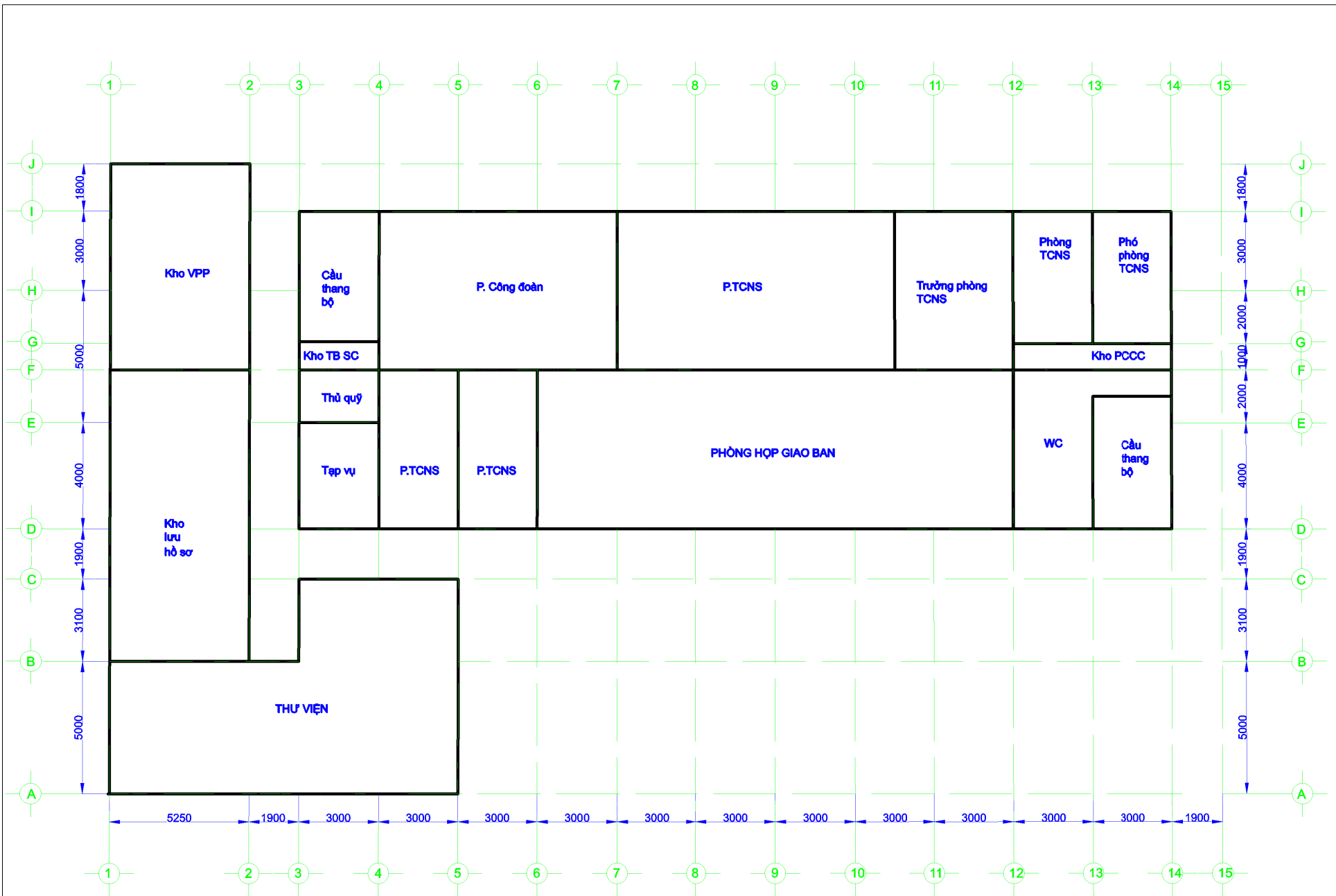
A bid is considered technically satisfactory when all 3 conditions are met:

- 1. Có tổng số điểm từ 75 điểm trở lên
Total score is 75 points or more**
- 2. Không có mục nào có điểm thấp hơn điểm tối thiểu tương ứng
No individual section score is below its minimum required score**
- 3. Không có tiêu chí bắt buộc (R) nào ở trên bị đánh giá 0 điểm
None of the mandatory (R) criteria above was assessed with a score of 0.**



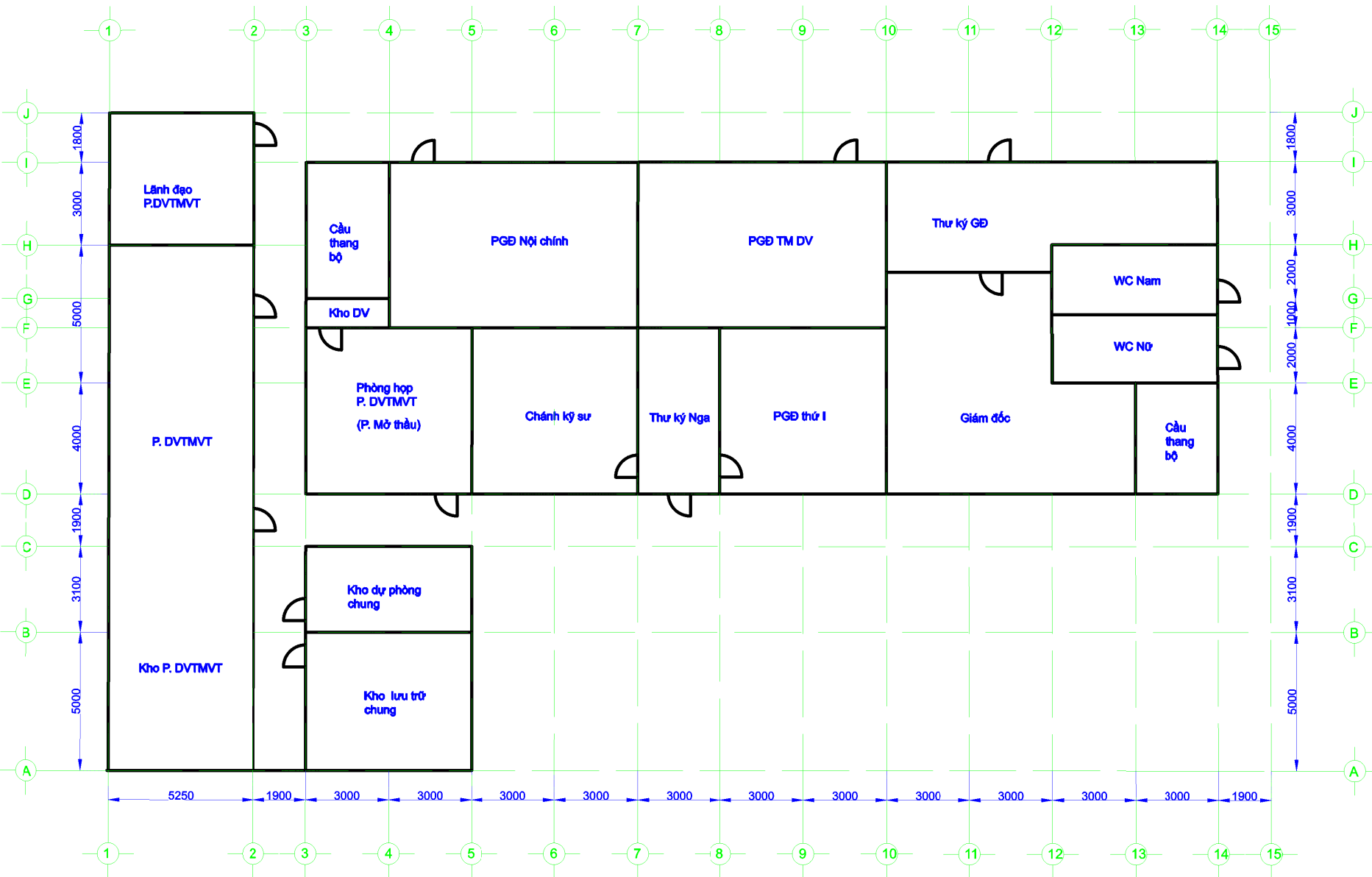
MẶT BẰNG TẦNG 1 SAU KHI CẢI TẠO





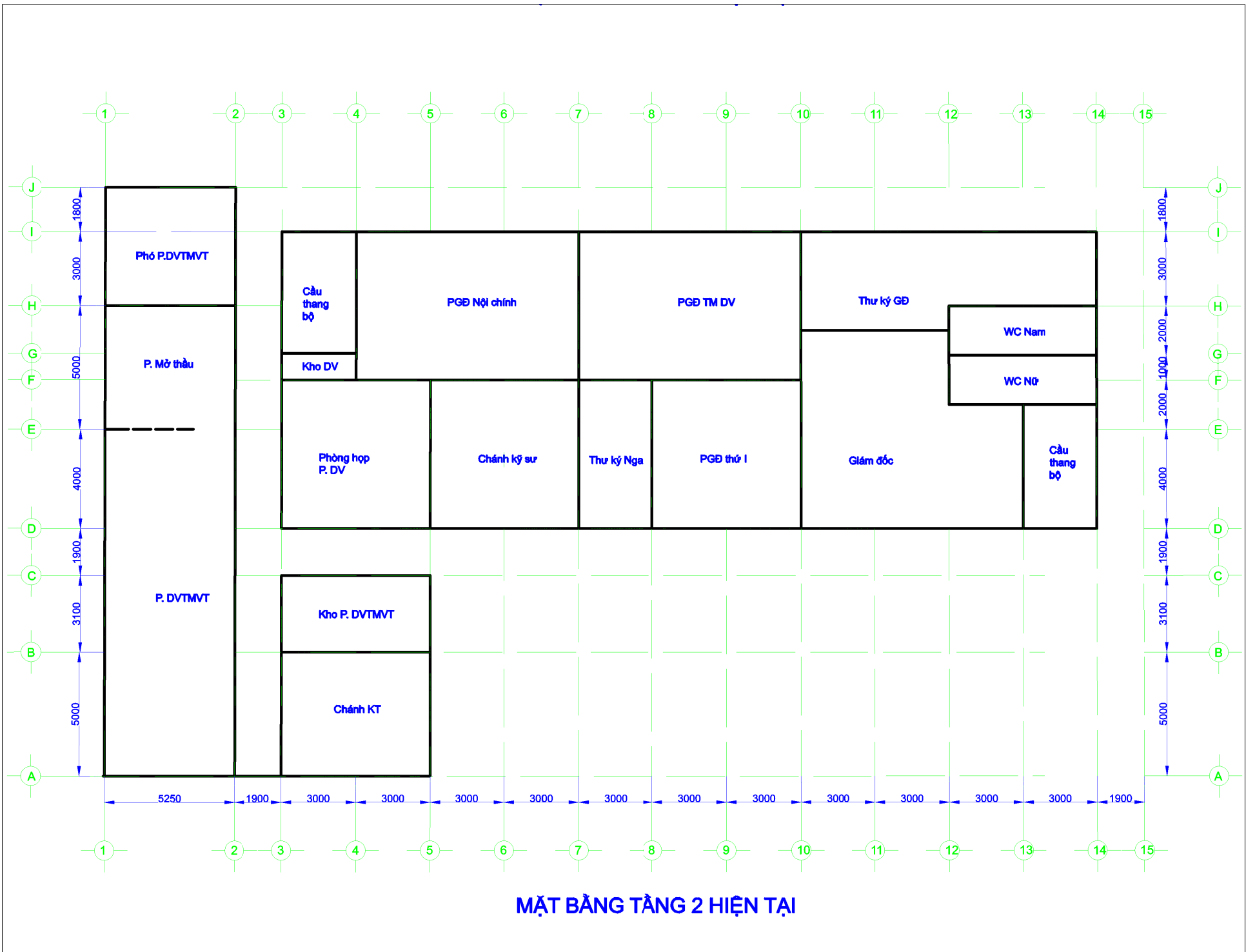
MẶT BẰNG TẦNG 1 HIỆN TẠI





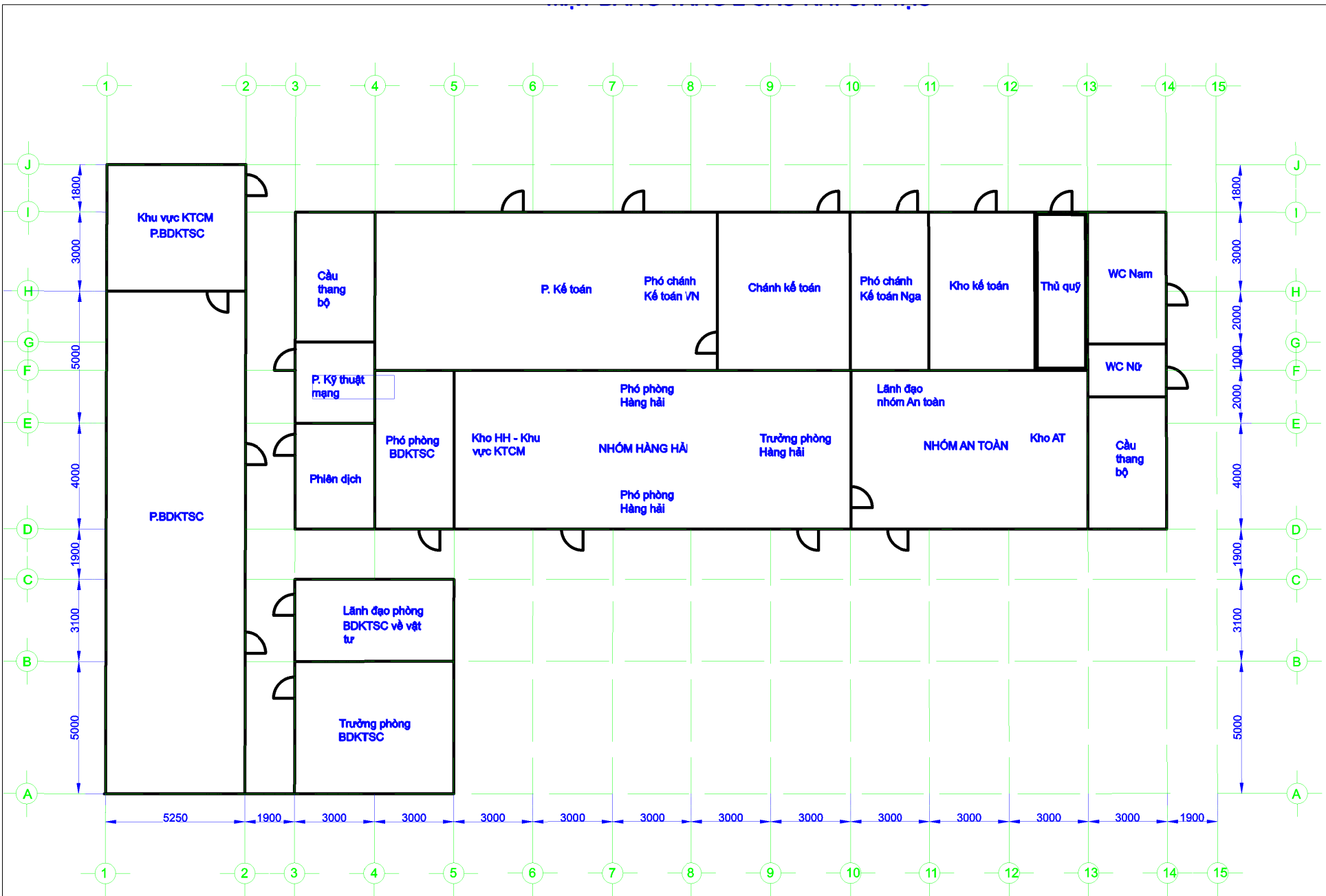
MẶT BẰNG TẦNG 2 SAU KHI CẢI TẠO





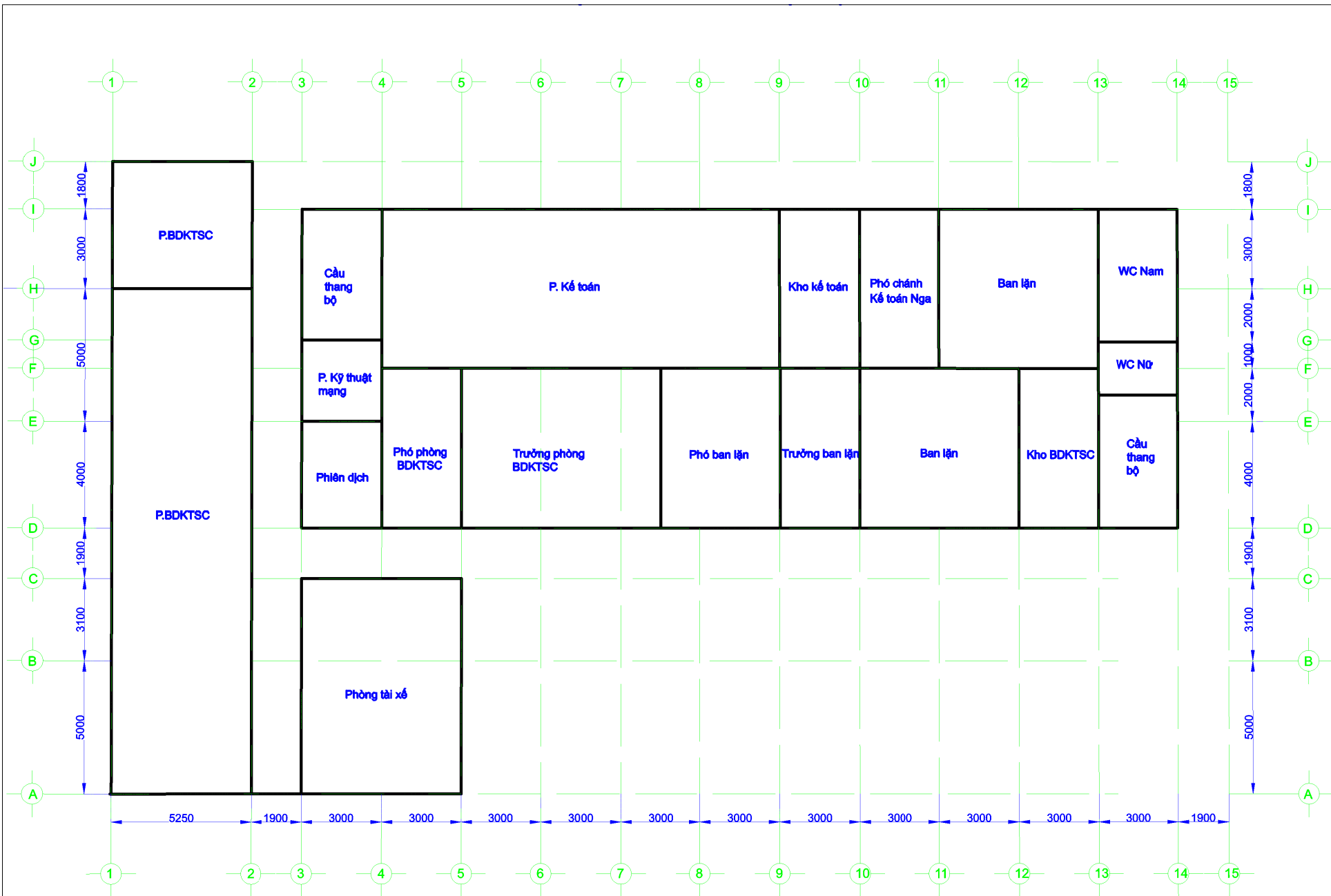
MẶT BẰNG TẦNG 2 HIỆN TẠI





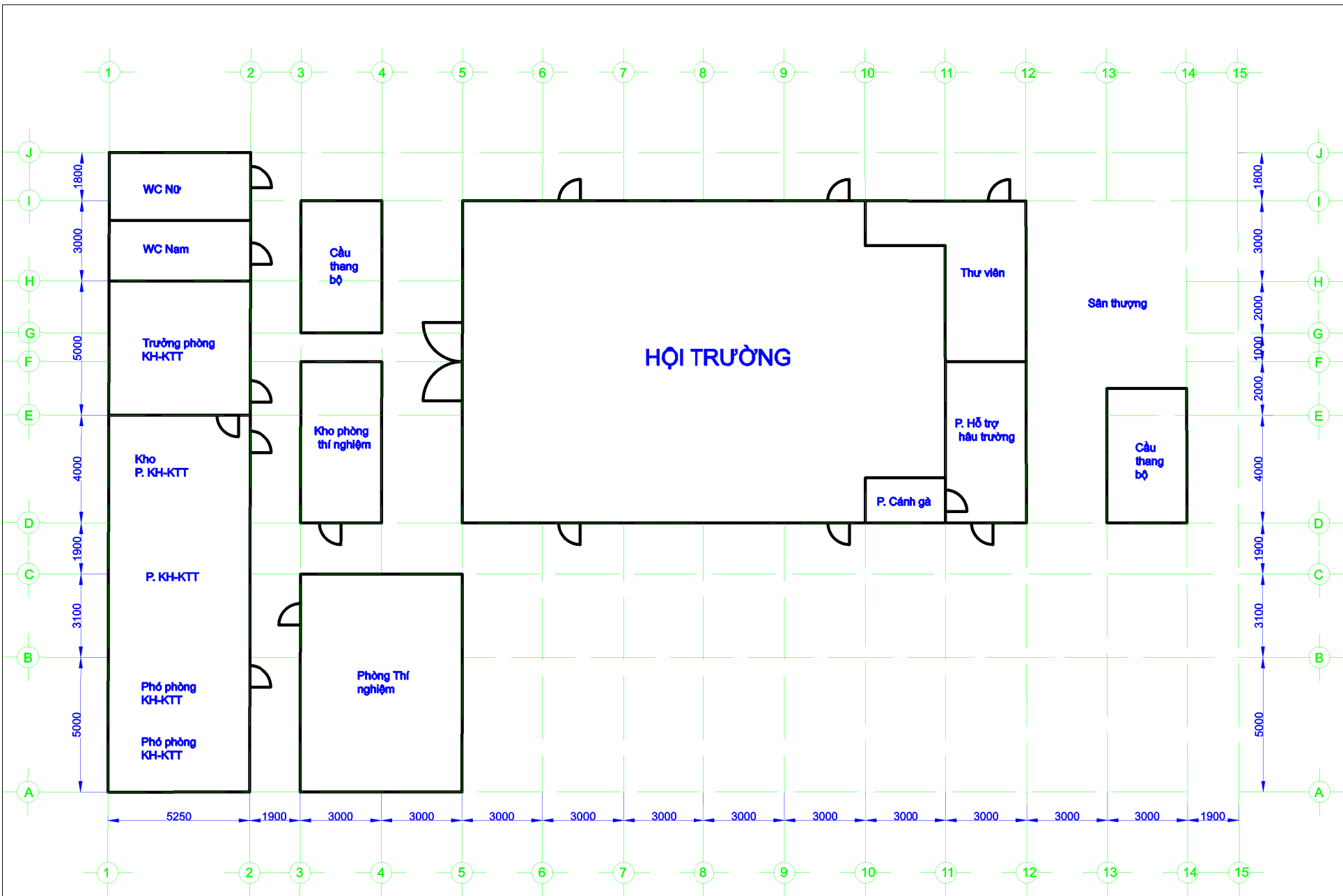
MẶT BẰNG TẦNG 3 SAU KHI CẢI TẠO





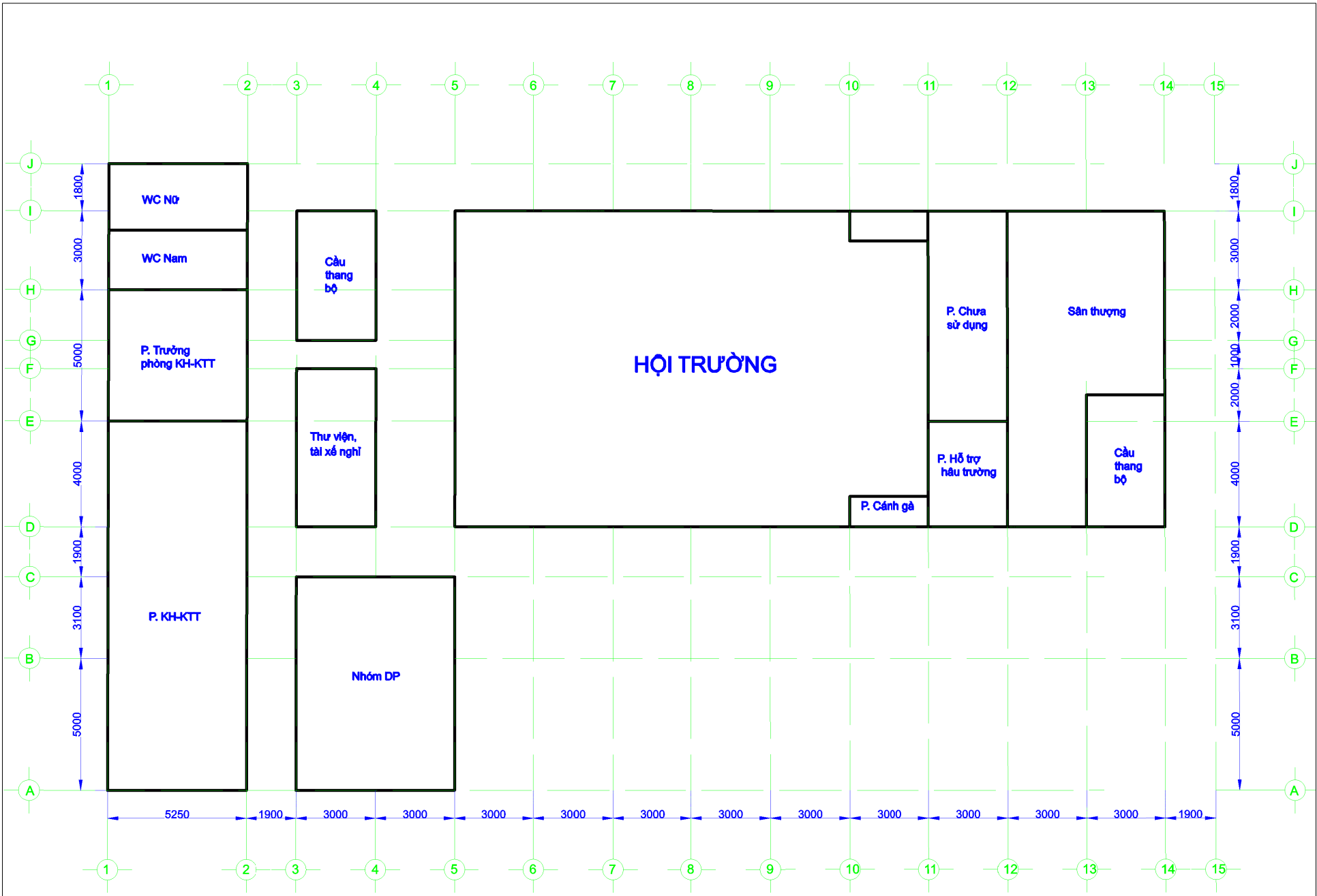
MẶT BẰNG TẦNG 3 HIỆN TẠI





MẶT BẰNG TẦNG 4 SAU KHI CẢI TẠO





MẶT BẰNG TẦNG 4 HIỆN TẠI





DANH MỤC CÔNG VIỆC VÀ VẬT TƯ CHÍNH

DỊCH VỤ "SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ TÒA NHÀ XN VTB&CTL NĂM 2026"

A. DANH MỤC CÔNG VIỆC

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
I	TẦNG 1			
1	Phòng Trưởng ban lặn			
1.1	Cung cấp san lấp nền bằng cát trước khi lát nền	m3	7.88	Bổ sung tại kho VPP cũ
1.2	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	15.75	
1.3	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	26.25	Bổ sung tại kho VPP cũ
1.4	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	26.25	Bổ sung tại kho VPP cũ
1.5	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
1.6	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	86.55	
1.7	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	86.55	
2	Phòng Phó ban lặn			
2.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22 cm mở cửa đi	m3	0.45	
2.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	2.35	Sử dụng lại cửa cũ
2.3	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3.18	
2.4	Cung cấp san lấp nền bằng cát trước khi lát nền	m3	4.88	Bổ sung tại phòng lưu hồ sơ+kho VPP cũ
2.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	20.55	
2.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	16.8	Bổ sung tại phòng lưu hồ sơ+kho VPP cũ
2.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	16.8	Bổ sung tại phòng lưu hồ sơ+kho VPP cũ
2.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
2.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	66.3	
2.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	66.3	
2.11	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.45	
2.12	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.45	
2.13	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.45	
3	Phòng Thợ lặn			
3.1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	5.05	
3.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	5.05	Sử dụng lại cửa cũ
3.3	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22 cm	m3	5.34	
3.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3.78	
3.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	4.8	
3.6	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
3.7	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	145.13	
3.8	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	145.13	

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
3.9	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	5.34	
3.10	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	5.34	
3.11	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	5.34	
4	Phòng Trưởng phòng TCNS			
4.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	4.36	
4.2	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	22.5	
4.3	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	30	
4.4	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	22.5	
4.5	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	22.5	
4.6	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
4.7	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	102	
4.8	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	102	
4.9	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.9	
4.10	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.9	
4.11	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.9	
5	Phó Trưởng phòng TCNS			
5.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	2.18	
5.2	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	22.5	
5.3	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3	
5.4	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	15	
5.5	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	22.5	
5.6	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	22.5	
5.7	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
5.8	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	102	
5.9	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	102	
5.10	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.9	
5.11	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.9	
5.12	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.9	
6	Phòng TCNS			
6.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	4.36	
6.2	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	90	
6.3	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3	
6.4	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	30	
6.5	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	90	
6.6	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	90	
6.7	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
6.8	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	318	
6.9	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	318	

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
6.10	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	3.6	
6.11	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	3.6	
6.12	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	3.6	
7	Phòng Công đoàn + Tạp vụ			
7.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	2.18	
7.2	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	15	
7.3	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3	
7.4	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	15	
7.5	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	15	
7.6	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	15	
7.7	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
7.8	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	78	
7.9	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	78	
7.10	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.6	
7.11	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.6	
7.12	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.6	
8	Phòng ban lặn			
8.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	7.8	
8.2	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	54	
8.3	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	bộ	1	
8.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	0.528	
8.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	5.28	
8.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	54	
8.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	54	
8.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
8.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	132	
8.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	132	
8.11	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	2.16	
8.12	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	2.16	
8.13	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	2.16	
II	Tầng 3			
1	Phòng Chánh kế toán			
1.1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	2.64	
1.2	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	3.6	
1.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	30	
1.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3.6	
1.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	18	
1.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	30	

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	30	
1.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
1.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	96	
1.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	96	
1.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	1.2	
1.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	1.2	
1.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	1.2	
1.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	1.2	
2	Phòng kế toán			
2.1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	27.32	
2.2	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường \leq 22cm	m3	3.6	
2.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	78	
2.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	3.6	
2.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	18	
2.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	78	
2.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	78	
2.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
2.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	192	
2.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	192	
2.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	3.12	
2.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	3.12	
2.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	3.12	
2.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	3.12	
3	Phòng Phó Chánh kế toán			
3.1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	2.64	
3.2	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường \leq 22cm	m3	3.6	
3.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	18	
3.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	1.2	
3.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	12	
3.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	18	
3.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	18	
3.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
3.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	72	
3.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	72	
3.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	0.72	
3.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.72	
3.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.72	
3.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.72	

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
4	Phòng kho kế toán			
4.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22cm	m3	0.45	
4.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	2.35	
4.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	27	
4.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	0	
4.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	19.12	
4.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	27	
4.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	27	
4.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
4.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	90	
4.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	90	
4.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	1.08	
4.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	1.08	
4.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	1.08	
4.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	1.08	
5	Phòng thủ quỹ			
4.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22cm	m3	0.45	
4.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	2.35	
4.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	12	
4.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	6	
4.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	43.12	
4.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	12	
4.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	12	
4.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
4.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	60	
4.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	60	
4.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	0.48	
4.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.48	
4.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.48	
4.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.48	
6	Phòng nhóm An toàn			
5.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22cm	m3	4.05	
5.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	2.35	
5.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	54	
5.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	0	
5.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	2.4	
5.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	54	
5.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	54	

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
5.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
5.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	144	
5.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	144	
5.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	2.16	
5.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	2.16	
5.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	2.16	
5.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	2.16	
7	Phòng nhóm Hàng hải			
6.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22 cm	m3	7.2	
6.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	0	
6.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	90	
6.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	0.48	
6.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	2.4	
6.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	90	
6.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	90	
6.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
6.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	216	
6.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	216	
6.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	3.6	
6.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	3.6	
6.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	3.6	
6.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	3.6	
8	Phòng Trưởng phòng BDKTSC			
7.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22 cm	m3	0.55	
7.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	2.76	
7.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	21	
7.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	4.2	
7.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	22.16	
7.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	21	
7.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	21	
7.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
7.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	81	
7.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	81	
7.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	0.84	
7.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.84	
7.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.84	
7.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.84	
9	Phòng Lãnh đạo Phòng BDKTSC về vật tư			

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
8.1	Phá dỡ tường xây gạch các loại, chiều dày tường ≤ 22cm	m3	0.55	
8.2	Lắp đặt cửa bằng thủ công	m2	2.76	
8.3	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	21	
8.4	Xây tường gạch ống 8x8x19cm dày 200 (tường ngăn phòng)	m3	2.8	
8.5	Trát tường trong, chiều dày trát 2,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	22.16	
8.6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	21	
8.7	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	21	
8.8	Di chuyển, lắp đặt lại hệ thống điện	Gói	1	
8.9	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	81	
8.10	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	81	
8.11	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	0.84	
8.12	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.84	
8.13	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.84	
8.14	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.84	
10	Phòng Phiên dịch			
9.1	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	12	
9.2	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	12	
9.3	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	12	
9.4	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	54	
9.5	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	54	
9.6	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	0.48	
9.7	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.48	
9.8	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.48	
9.9	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.48	
11	Phòng BDKTSC			
10.1	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	18	
10.2	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	18	
10.3	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	18	
10.4	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	72	
10.5	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	72	
10.6	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	0.72	
10.7	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	0.72	
10.8	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.72	
10.9	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	0.72	
12	Phòng BDKTSC			
12.1	Phá dỡ nền gạch cũ	m3	100.7	
12.2	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3,0cm Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	100.7	
12.3	Lát gạch nền, sàn, kích thước gạch 600x600, Mác 75 XM PCB40 ML = 1,5-2	m2	100.7	

Stt	Vật tư, Dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
12.4	Bả bằng bột bả (1 lớp bả) vào tường	m2	244.7	
12.5	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, sơn 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	244.7	
12.6	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	4.028	
12.7	Vận chuyển các loại phế thải lên phương tiện	m3	4.028	
12.8	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	4.028	
12.9	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 5 tấn	m3	4.028	
III	Các công việc khác			
1	Che chắn thiết bị, vật dụng trong thời gian thi công	Gói	1	
2	Di chuyển, sắp xếp đồ đạc trong phòng trước và sau khi thi công	Gói	1	
3	Dọn vệ sinh công nghiệp sau khi thi công	Gói	1	
IV	Cải tạo hệ thống điện			
1	Thay thế ổ cắm điện, bóng đèn, dây điện hư hỏng	Gói	1	

B. BẢNG DANH MỤC VẬT TƯ CHÍNH

Stt	Tên, chủng loại thiết bị, vật tư, vật liệu	Chủng loại Vật tư hoặc tương đương
1	Cát, đá	Tóc Tiên/ Đồng Nai / Tân Thành
2	Xi măng PCB40	Chinfon HP/ Hà Tiên/ Holcim:
3	Gạch xây 8x8x19cm; 4x8x19cm	Mỹ Xuân/ Bình thuận/Đồng Nai
4	Thiết bị điện	Rạng Đông/ Philip/Paragon
5	Dây dẫn điện	Cadivi/ Cadisun/ Việt Thái
6	Dung dịch chống thấm	Sika/ Kova/ Masterseal 540
7	Gạch ceramic 600x600	Đồng Tâm/ Viglacera//Taicera/Tasa
8	Bả matic, sơn lót, sơn phủ	Jotun/Toa

